

Số: 270 /BC-UBND

Đăk Lăk, ngày 08 tháng 10 năm 2019

BÁO CÁO

**Tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội,
đảm bảo quốc phòng - an ninh 9 tháng; ước thực hiện cả năm 2019
và một số đề xuất, kiến nghị**

(*Tài liệu phục vụ cuộc họp với Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh theo Giấy mời số
10/GM-ĐĐBQH ngày 20/9/2019*)

PHẦN I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG - AN NINH TRONG 9 THÁNG VÀ ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2019

I. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu:

1. Tổng sản phẩm xã hội (GRDP - theo giá so sánh 2010) ước đạt 36.800 tỷ đồng, bằng 65,71% KH, tăng 7,13% so với cùng kỳ năm 2018 (KH: 56.000 tỷ đồng). Trong đó:

- Nông, lâm, thủy sản ước đạt 11.886 tỷ đồng, bằng 55,96% KH (KH: 21.240 tỷ đồng), tăng 4,05% so với cùng kỳ năm 2018.

- Công nghiệp - xây dựng ước đạt 5.766 tỷ đồng, bằng 62,74% KH (KH: 9.190 tỷ đồng), tăng 11,7% so với cùng kỳ năm 2018.

- Dịch vụ ước đạt 17.365 tỷ đồng, bằng 71,26% KH (KH: 24.370 tỷ đồng), tăng 7,28% so với cùng kỳ năm 2018.

- Thuế sản phẩm (trừ trợ cấp sản phẩm) ước đạt 1.783 tỷ đồng, bằng 148,58% KH (KH: 1.200 tỷ đồng), tăng 12,92% so với cùng kỳ năm 2018.

2. Huy động vốn đầu tư toàn xã hội ước đạt 23.064 tỷ đồng, bằng 68,44% KH (KH: 33.700 tỷ đồng), tăng 14,55% so với cùng kỳ năm 2018.

3. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ, tiêu dùng trên địa bàn ước đạt 59.375 tỷ đồng, bằng 81,34% KH (KH: 73.000 tỷ đồng), tăng 12,43% so với cùng kỳ năm 2018.

4. Tổng kim ngạch xuất khẩu ước đạt 422 triệu USD, bằng 68,06% KH (KH: 620 triệu USD), tăng 8% so với cùng kỳ năm 2018. Tổng kim ngạch nhập khẩu ước đạt 57 triệu USD, bằng 68,67% KH (KH: 83 triệu USD).

5. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 4.906,31 tỷ đồng, bằng 72,05% dự toán HDND tỉnh giao (KH: 6.810 tỷ đồng), tăng 14,28% so với cùng kỳ năm 2018.

6. Phát triển hạ tầng: Thủy lợi bảo đảm tưới chủ động cho 79,3% diện tích cây trồng có nhu cầu tưới (KH: 80,5%). Cải tạo, nâng cấp nhựa hóa hoặc bê tông hóa 95,71% các tuyến đường tỉnh (KH: 96,3%), 86,99% các tuyến đường huyện

(KH: 87,5%), 56,57% các tuyến đường xã và liên xã (KH: 60,7%), 97,5 thôn, buôn có điện (KH: 99%), trong đó 98% số hộ được dùng điện (KH: 99%).

* Phát triển doanh nghiệp (DN): Đến ngày 30/9/2019, có 893 DN đăng ký thành lập mới (với tổng vốn đăng ký là 10.986 tỷ đồng), bằng 85,05% KH, tăng 22,66% so với cùng kỳ năm 2018 và đăng ký hoạt động 86 chi nhánh (trong đó có 59 chi nhánh của DN ngoài tỉnh), nâng tổng số DN hoạt động trên địa bàn tỉnh là 8.863 DN.

7. Tỷ lệ trường đạt chuẩn Quốc gia đạt 44,9% (KH: 46,5%); Duy trì tỷ lệ 100% thôn, buôn (tính cả thôn, buôn học ghép) có trường hoặc lớp mẫu giáo.

8. Tỷ lệ xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế ước đạt 99,45% (KH: 99,45%). Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi) giảm còn 19% (KH: 19,2%). Số giường bệnh trên một vạn dân (không tính giường trạm y tế cấp xã) đạt 26 giường/vạn dân (KH: 26,06 giường/vạn dân). Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế theo Quyết định số 1167/QĐ-TTg ngày 28/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ ước đạt 87,48% (KH: 87,3%).

9. Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh ước đạt 91,4%, tăng 1,4% so với năm 2018 (KH: 92,5%, tăng 2,5% so với thực hiện năm 2018).

10. Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch ước đạt 84,44%, tăng 2,44% so với thực hiện năm 2018 (KH: 86%, tăng 4% so với thực hiện năm 2018).

11. An ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội: Tuyển chọn công dân nhập ngũ đạt 100% chỉ tiêu. Tỷ lệ xử lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm; tỷ lệ điều tra khám phá án hình sự đạt 89,35% (KH: ≥85%); trong đó: Án rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng đạt 96,7% (KH ≥90%). Cơ bản đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; tai nạn giao thông giảm cả 3 tiêu chí về số vụ, số người chết và số người bị thương: Đến ngày 14/9/2019, xảy ra 263 vụ, làm chết 161 người, bị thương 201 người; giảm 13 vụ (4,71%), giảm 08 người chết (4,73%) và giảm 36 người bị thương (15%) so với cùng kỳ năm 2018.

Còn lại 07 chỉ tiêu gồm: (1) Thu nhập bình quân đầu người; (2) Tỷ lệ hộ nghèo; (3) Số lao động được giải quyết việc làm; (4) Mức giảm tỷ suất sinh; (5) Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới; (6) Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; (7) Tỷ lệ che phủ rừng, sẽ được đánh giá vào cuối năm.

II. Kết quả thực hiện trên từng ngành, lĩnh vực

1. Lĩnh vực kinh tế:

1.1. Nông nghiệp và phát triển nông thôn:

Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản (giá so sánh 2010) đạt 27.468 tỷ đồng, bằng 65,78% KH, tăng 4,04% so với cùng kỳ năm 2018.

- *Trồng trọt:* Sản xuất vụ Đông Xuân 2018-2019, gieo trồng được 59.523/45.110 ha, bằng 131,95% KH; sản lượng lương thực đạt 328.038/236.999 tấn, bằng 138,41% KH. Sản xuất vụ Hè Thu, gieo trồng được 207.482ha, bằng 99,9% KH; Sản xuất vụ Thu Đông, gieo trồng được 25.245 ha, bằng 40,7% KH. Tổng diện tích cây lâu năm trên địa bàn tỉnh là 289.404 ha.

- Chăn nuôi của tỉnh gặp nhiều khó khăn do dịch bệnh gia súc xảy ra trên địa bàn tỉnh như: Dịch lở mồm long móng (LMLM), dịch tai xanh trên lợn. Đến tháng 6/2019, tình hình dịch LMLM trên lợn đã được các địa phương kiểm soát, UBND tỉnh đã công bố hết dịch LMLM gia súc trên địa bàn tỉnh (Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 13/6/2016). Đối với các loại vật nuôi khác tình hình chăn nuôi vẫn ổn định và gia tăng về số lượng so với cùng kỳ năm 2018.

- *Thủy sản*: Diện tích nuôi trồng thủy sản ước đạt 11.270 ha, bằng 98% KH; Sản lượng thu hoạch ước đạt: 18.311 tấn, đạt 75,7% KH.

- *Lâm nghiệp*: Đã trồng rừng được 980,6 ha, bằng 65,37% KH; các đơn vị sẽ tập trung trồng rừng vào những tháng cuối năm 2019, phấn đấu đạt KH đề ra. Công tác chăm sóc, quản lý, bảo vệ phát triển rừng được các cấp, các ngành, các địa phương chú trọng thực hiện, số vụ vi phạm có xu hướng giảm so với thời gian trước.

- *Tình hình thiên tai*: Từ đầu năm đến nay, trên địa bàn tỉnh chịu ảnh hưởng của 11 đợt thiên tai, trong đó: 02 đợt hạn hán, 08 trận lốc tốp, 01 đợt mưa lũ vào tháng 8/2019, ước tính sơ bộ thiệt hại hơn 959 tỷ đồng.

1.2. Công nghiệp, thương mại - dịch vụ:

- *Công nghiệp*: Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh 2010) ước đạt 9.829 tỷ đồng, bằng 59,57% KH, tăng 11,91% so với cùng kỳ năm 2018. Có 05 dự án điện mặt trời đã hoàn thành đưa vào vận hành phát điện, góp phần tăng thêm công suất cho lưới điện quốc gia.

- *Thương mại - dịch vụ*: Tình hình thị trường hàng hóa trên địa bàn tỉnh tương đối ổn định, đáp ứng đủ nhu cầu của người tiêu dùng; công tác kiểm soát thị trường luôn được quan tâm thực hiện, hạn chế tình trạng hàng giả, hàng kèm chất lượng.

Kim ngạch xuất khẩu vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng, tăng 8% so với cùng kỳ năm 2019. Nhập khẩu giảm 25,97% so với cùng kỳ năm 2018; nguyên nhân do các dự án điện gió cơ bản nhập xong thiết bị phục vụ dự án.

- *Dịch vụ*: Các ngành dịch vụ tiếp tục phát triển, chất lượng dịch vụ được nâng cao; các lĩnh vực vận tải, bưu chính viễn thông, ngân hàng,... có mức tăng trưởng khá. Ngành Du lịch đã đón khoảng 834.000 lượt khách, bằng 87,79% kế hoạch, tăng 14,25% so cùng kỳ năm 2018; doanh thu du lịch ước đạt 799 tỷ đồng, bằng 76,1% KH, tăng 22,92% so với cùng kỳ năm 2018.

1.3. Xây dựng: Giá trị sản xuất xây dựng (giá so sánh 2010) ước đạt 7.835 tỷ đồng, bằng 61,64% KH, tăng 12,44% so với cùng kỳ năm 2018.

1.4. Quản lý đất đai và tài nguyên:

Công tác quản lý đất đai, khoáng sản và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh được các cấp, các ngành, các địa phương chú trọng thực hiện; các ngành chức năng và các địa phương tăng cường thực hiện việc kiểm tra, thanh tra và xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm về quản lý, dụng đất đai, khai thác tài nguyên, khoáng sản trái phép, gây ô nhiễm môi trường; tập trung hướng dẫn thực hiện điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất hàng năm và quyết liệt trong công tác cấp Giấy CNQSD đất cho các tổ chức, cá nhân.

1.5. Giao thông vận tải:

Hệ thống giao thông trên địa bàn tỉnh cơ bản đáp ứng nhu cầu đi lại, phục vụ vận chuyển hàng hoá, hành khách của nhân dân. Công tác quản lý, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên các quốc lộ, tỉnh lộ được ngành Giao thông vận tải quan tâm triển khai thực hiện, đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng, giao thông thông suốt; các đơn vị chức năng đã tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện sửa chữa định kỳ đường bộ, hiện nay các đơn vị đang gấp rút triển khai thực hiện, đảm bảo tiến độ, kế hoạch năm 2019 đề ra.

1.6. Thu, chi ngân sách và hoạt động ngân hàng:

- *Thu, chi ngân sách*: Tiền độ thu NSNN đạt khá, tổng thu NSNN đạt 4.906,31 tỷ đồng, bằng 72,05% KH, tăng 14,28% so với cùng kỳ năm 2018, trong đó thu thuế, phí đạt 78,66% KH, tăng 9,38% so với cùng kỳ năm 2018. Tổng chi ngân sách địa phương 10.496,429 tỷ đồng, bằng 64,93% KH, tăng 5,41% so với cùng kỳ năm 2018.

- *Hoạt động ngân hàng*: Tổng nguồn vốn huy động ước đạt 45.600 tỷ đồng, bằng 92,22% KH, tăng 8,24% so với cùng kỳ năm 2018; tổng dư nợ cho vay nền kinh tế ước đạt 95.800 tỷ đồng, bằng 89,09% KH, tăng 11,5% so với cùng kỳ năm 2018; tổng dư nợ cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội ước đạt 4.74260 tỷ đồng, tăng 16,65% so với cùng kỳ năm 2018.

1.7. Công tác xúc tiến và thu hút đầu tư:

Năm 2019, các cấp, các ngành, các địa phương tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư. Tỉnh đã phê duyệt Quyết định chủ trương đầu tư cho 43 dự án đầu tư với tổng số vốn đầu tư đăng ký 11.750,47 tỷ đồng, giảm 05 dự án so với cùng kỳ năm trước, tổng số vốn đầu tư tăng 1,54 lần so với cùng kỳ năm 2018.

Tại Hội nghị Xúc tiến đầu tư tỉnh Đăk Lăk năm 2019 tỉnh đã trao Bản ghi nhớ cho 19 Nhà đầu tư với 27 dự án, tổng vốn đầu tư dự kiến 57.289 tỷ đồng và trao Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư đối với 13 dự án, với tổng vốn đầu tư khoảng 14.330 tỷ đồng. Trong năm 2019, UBND tỉnh đã quyết liệt chỉ đạo và tạo điều kiện cho các nhà đầu tư thực hiện các thủ tục đầu tư, triển khai dự án; đến nay, Nhà máy điện mặt trời kết hợp với nông nghiệp Long Thành Đăk Lăk của Công ty TNHH Đầu tư Long Thành Đăk Lăk 1 đã hoàn thành, đi vào hoạt động; các dự án còn lại đang trong quá trình triển khai các thủ tục đầu tư theo quy định.

1.8. Phát triển doanh nghiệp, kinh tế tập thể:

- *Về phát triển doanh nghiệp*: Số DN thành lập mới tiếp tục tăng (tăng 22,66% so với cùng kỳ năm 2018), tính cả các DN có trụ sở chính ở tỉnh ngoài đăng ký thành lập và hoạt động hình thức chi nhánh tại tỉnh Đăk Lăk thì đến nay tổng số DN hoạt động trên địa bàn tỉnh là 8.863 DN. Phát triển doanh nghiệp đã thu hút một lượng vốn đáng kể trong dân cư vào sản xuất kinh doanh và giải quyết việc làm cho nhiều lao động tại địa phương, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế của tỉnh.

- *Phát triển kinh tế tập thể*: Có 56 HTX thành lập mới, bằng 86,15% KH.

Lũy kế đến nay, trên địa bàn tỉnh có 506 Hợp tác xã đã đăng ký, trong đó có: 403 HTX đang hoạt động. Các HTX trên địa bàn tỉnh tiếp tục được củng cố, phát triển theo hướng tích cực, tạo ra các sản phẩm có giá trị kinh tế cao và có những đóng góp đáng kể vào chương trình xây dựng nông thôn mới, phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn.

1.9. Về đầu tư xây dựng cơ bản (XDCB):

a) *Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2018 kéo dài sang năm 2019:* Đến ngày 15/9/2019, số vốn năm 2018 làm thủ tục chuyển nguồn thực hiện sang năm 2019 đã giải ngân 171,039 tỷ đồng/753,403 tỷ đồng, đạt 22,7% kế hoạch. Hiện nay, các chủ đầu tư đang tiếp tục hoàn thiện các thủ tục để thực hiện và giải ngân.

b) *Tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2019:* Tổng nguồn vốn XDCB thuộc NSNN năm 2019 đã giao kế hoạch là 4.104,425 tỷ đồng, trong đó vốn phân bổ thực hiện các dự án là 2.658,607 tỷ đồng. Đến ngày 15/9/2019, đã giải ngân được 1.131,519 tỷ đồng, đạt 43,43% kế hoạch.

2. Lĩnh vực văn hóa - xã hội:

Chất lượng giáo dục và đào tạo tiếp tục được nâng cao; ngành giáo dục đã chú trọng giáo dục trong khu vực đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, vùng sâu, vùng xa. Các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh duy trì tốt công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa, thể thao và du lịch tiếp tục được tăng cường; các hoạt động văn hóa, thể thao diễn ra sôi nổi, đạt thành tích cao. Công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc được chú trọng thực hiện. Công tác an sinh xã hội, bảo trợ xã hội và chính sách đối với người có công tiếp tục được quan tâm thực hiện. Hoạt động khoa học và công nghệ được triển khai theo đúng kế hoạch. Kết quả nhiều đề tài mang tính ứng dụng vào điều kiện thực tế ở tỉnh ngày càng cao, phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của địa phương.

Tình hình hoạt động mạng lưới Bưu chính, Viễn thông ổn định; chất lượng dịch vụ được nâng cao, đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc của các cơ quan Đảng, nhà nước, doanh nghiệp và người dân trên địa bàn

3. Lĩnh vực nội vụ, nội chính, tư pháp:

Tỉnh tiếp tục thực hiện tốt công tác tổ chức bộ máy và biên chế, giao chỉ tiêu biên chế, công chức và hợp đồng lao động tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh; công tác bổ nhiệm cán bộ được thực hiện đúng quy định; công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được quan tâm triển khai; công tác khen thưởng các tập thể, cá nhân được thực hiện kịp thời.

Tình hình tôn giáo trên địa bàn tỉnh tương đối ổn định, công tác quản lý nhà nước chặt chẽ; xây dựng mối quan hệ tốt giữa chính quyền với chức sắc, tín đồ các tôn giáo.

Công tác tư pháp được triển khai thực hiện đúng quy định, kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân đến làm việc; đồng thời, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, cải cách tư

pháp của tỉnh.

Các cuộc thanh tra hành chính, thanh tra, kiểm tra chuyên ngành được thực hiện theo đúng kế hoạch đã đề ra. Công tác tiếp công dân, tiếp nhận, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo đã được Thanh tra các cấp, các ngành triển khai thực hiện cơ bản đúng trình tự, thủ tục quy định.

Công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được các cấp, các ngành lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện nghiêm túc. Qua công tác thanh tra, tự kiểm tra tại các cơ quan, đơn vị chưa phát hiện trường hợp nào có hành vi tham nhũng.

4. Công tác Cải cách hành chính (CCHC):

Cải cách hành chính (CCHC) được các cấp, các ngành, các địa phương quan tâm chỉ đạo và chấn chỉnh, tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính, nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức trong thực thi công vụ và phục vụ nhân dân. Tiếp tục triển khai có hiệu quả cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông; công khai, minh bạch, cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo môi trường thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp đến làm việc.

Kết quả công bố chỉ số PCI năm 2018, tỉnh Đăk Lăk đạt 62,48 điểm, xếp hạng 40/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, thứ 3 khu vực Tây Nguyên, được xếp trong nhóm tỉnh thành có chất lượng điều hành khá. Chỉ số cải cách hành chính (PAR Inder) năm 2018 đạt 75,43, xếp vị trí thứ 43/63 tỉnh thành phố Trung ương; đứng thứ nhất khu vực Tây Nguyên. Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (chỉ số PAPI) năm 2018 của tỉnh đạt 42,33 điểm, xếp vị thứ 55/63 tỉnh, thành phố; tăng 7,69 điểm và cải thiện 2 bậc so với năm 2017.

5. An ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội: Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cơ bản ổn định, quốc phòng được tăng cường, an ninh biên giới được giữ vững.

III. Đánh giá chung

1. Ưu điểm: Mặc dù gặp nhiều khó khăn, nhưng tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục có bước phát triển; GRDP duy trì đà tăng trưởng khá; hầu hết các ngành kinh tế đều có mức tăng trưởng cao hơn cùng kỳ năm trước; số lượng doanh nghiệp thành lập mới, thu NSNN, huy động vốn đầu tư toàn xã hội, tổng mức bán lẻ hàng hóa tiếp tục tăng cao so với cùng kỳ năm 2018. Các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa - thể thao và du lịch, công tác an sinh xã hội và hỗ trợ người nghèo được quan tâm, thực hiện kịp thời, phát huy hiệu quả. Tình hình an ninh trên các lĩnh vực cơ bản ổn định, không xảy ra vụ việc đột xuất, bất ngờ; trật tự an toàn xã hội được kiểm soát; quốc phòng - an ninh được giữ vững.

2. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

- Kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng chủ lực của tỉnh như: Cà phê nhân, cà phê hòa tan, hạt điều, sản phẩm săn, sản phẩm ong,... thấp hơn so với cùng kỳ năm 2018. Nguyên nhân là do công tác xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm còn hạn chế, một số doanh nghiệp vẫn chưa thấy rõ tầm quan trọng của việc xây dựng thương hiệu sản phẩm; một số mặt hàng chủ lực có kim ngạch xuất khẩu lớn đang gặp nhiều khó khăn trong khâu tiêu thụ do giá xuống thấp, thị

trường chưa được mở rộng, khả năng cạnh tranh hạn chế.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp tuy có nhiều nỗ lực cố gắng nhưng vẫn gặp khó khăn, số doanh nghiệp dân doanh phải ngừng hoạt động, giải thể tăng nhiều do nhiều doanh nghiệp có quy mô nhỏ; năng lực tài chính, khả năng cạnh tranh và năng lực quản lý còn hạn chế. Một số doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp sau khi chuyển đổi sang loại hình cổ phần, TNHH 2 thành viên hiệu quả hoạt động chưa cao do còn nhiều vướng mắc về đất đai, hợp đồng giao khoán,... chưa được giải quyết.

- Thu biện pháp tài chính chưa đạt theo tiến độ kế hoạch do một số dự án vướng mắc trong công tác đền bù, giải phóng mặt bằng và triển khai các thủ tục để thực hiện dự án bị kéo dài.

- Tiến độ thực hiện các dự án đầu tư XDCB và giải ngân còn thấp so với kế hoạch do nguyên nhân: Trong năm 2019, số dự án khởi công mới nhiều trong khi năng lực của một số đơn vị tư vấn còn hạn chế, nên việc lập và hoàn thiện các hồ sơ thủ tục còn sai sót, cơ quan thẩm định yêu cầu phải chỉnh sửa, nên chậm được phê duyệt; nhiều chủ đầu tư chưa chủ động và tích cực triển khai thực hiện các thủ tục đầu tư, triển khai dự án; một số chủ đầu tư có tâm lý chờ hoàn thành công trình, quyết toán xong hoặc chờ có khối lượng nhiều mới làm thủ tục giải ngân; việc xác định vị trí các mỏ đất đủ điều kiện để khai thác phục vụ cho thi công công trình ở các địa phương chậm triển khai thực hiện, dẫn đến các nhà thầu không có nguồn đất để thi công công trình,...

- Dịch bệnh sốt xuất huyết trên địa bàn tỉnh còn diễn biến phức tạp, tăng nhanh do các ngành chức năng và các địa phương chưa chủ động trong công tác dự báo, cảnh báo dịch sốt xuất huyết theo chu kỳ và chuẩn bị hóa chất, vật tư để phòng chống kịp thời, ngăn chặn, kiểm soát dịch bệnh; công tác tuyên truyền chưa sâu, rộng, ý thức của một bộ phận nhân dân trong phòng, chống dịch bệnh chưa cao; công tác triển khai phòng, chống dịch bệnh trên một số địa bàn trong thời gian vừa qua chưa kịp thời, hiệu quả.

- Dịch tả lợn Châu phi đã xuất hiện trên địa bàn tỉnh trong thời gian dài, đến nay chưa khống chế được. Nguyên nhân là do người dân chưa chấp hành đầy đủ các quy định về phòng, chống dịch bệnh trên gia súc và chưa có vắc-xin phòng chống hiệu quả.

- Sản lượng ngành điện (thủy điện) trong những tháng đầu năm đạt thấp do tình trạng khô hạn, thiếu nước làm cho nhà máy thủy điện hoạt động hạn chế.

- Tình hình an ninh, trật tự trên một số địa bàn, lĩnh vực có thời điểm xảy ra phức tạp; tình hình tội phạm hình sự có giảm so với cùng kỳ nhưng vẫn còn diễn ra phức tạp.

IV. Ước kết quả thực hiện cả năm 2019

1. Tổng sản phẩm xã hội (GRDP - theo giá so sánh 2010) ước thực hiện năm 2019 đạt 57.200 tỷ đồng, bằng 102,14% KH, tăng trưởng kinh tế ước đạt 11,08% so với năm 2018 (KH: 56.000 tỷ đồng, tăng trưởng kinh tế 8,7-9%); trong đó:

- Nông, lâm, thủy sản ước đạt 21.240 tỷ đồng, bằng 100% KH, tăng

4,55% so với năm 2018 (*KH: 21.240 tỷ đồng, tăng 4,55%*).

- Công nghiệp - xây dựng ước đạt 9.190 tỷ đồng, bằng 100% KH, tăng 10,43% so với năm 2018 (*KH: 9.190 tỷ đồng, tăng 10,43%*).

- Dịch vụ ước đạt 24.370 tỷ đồng, bằng 100% KH, tăng 12,07% so với năm 2018 (*KH: 24.370 tỷ đồng, tăng 12,07%*).

- Thuế sản phẩm (trừ trợ cấp sản phẩm) ước đạt 2.400 tỷ đồng, bằng 200% KH tăng 115,44% so với năm 2018 (*KH: 1.200 tỷ đồng, tăng 7,72%*).

* Cơ cấu kinh tế (theo giá hiện hành): Nông, lâm, thủy sản ước đạt 38,13% (*KH: 38,37%*); Công nghiệp, xây dựng ước đạt 16,1% (*KH: 16,04%*); dịch vụ ước đạt 43,56% (*KH: 43,52%*); thuế SP ước đạt 2,22% (*KH: 2,07%*).

2. Thu nhập bình quân đầu người (theo giá hiện hành) ước đạt 49,13 triệu đồng/người/năm (*KH: 45,5 triệu đồng*).

3. Huy động vốn đầu tư toàn xã hội ước đạt 33.700 tỷ đồng, bằng 100% KH, tăng 21,55% so với năm 2018 (*KH: 33.700 tỷ đồng, tăng 21,55% so với năm 2018*).

4. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn ước đạt 75.047 tỷ đồng, bằng 102,8% KH, tăng 7,21% so với năm 2018 (*KH: 73.000 tỷ đồng, tăng 4,29%*).

5. Tổng kim ngạch xuất khẩu ước đạt 620 triệu USD, bằng 100% KH, tăng 3,33% so với năm 2018 (*KH: 620 triệu USD, tăng 3,33%*). Tổng kim ngạch nhập khẩu ước đạt 83 triệu USD, bằng 100% KH, tăng 2,47% so với năm 2018 (*KH: 83 triệu USD, tăng 2,47%*).

6. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước đạt 6.810 tỷ đồng, bằng 100% KH, tăng 16,52% so với năm 2018 (*KH: 6.810 tỷ đồng, tăng 15,77%*).

7. Phát triển hạ tầng: Thủy lợi bảo đảm tưới chủ động trên 80,5% diện tích cây trồng có nhu cầu tưới (*KH đạt 80,5%*); nhựa hoặc bê tông hóa 96,01% các tuyến đường tỉnh (*KH đạt 96,3%*); 88% các tuyến đường huyện (*KH đạt 87,5%*); 60,7% các tuyến đường xã và liên xã (*KH đạt 60,7%*); 99% thôn, buôn có điện, trong đó 99% số hộ được dùng điện (*KH lần lượt đạt 99%; 99%*).

* Phát triển doanh nghiệp: Trên địa bàn tỉnh có 8.915 DN và Chi nhánh của doanh nghiệp ngoài tỉnh đang hoạt động, bằng 100% KH, tăng 7,88% so với năm 2018 (*KH: 8.915 DN, tăng 7,88% so với năm 2018*).

8. Tỷ lệ hộ nghèo giảm 3,46%, trong đó tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm 4,3% (*KH giảm từ 3,46% trở lên, trong đó tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm 4-4,5%*).

9. Tỷ lệ trường đạt chuẩn Quốc gia ước đạt 46,5%, tăng 4% so với năm 2018 (*KH đạt 46,5%, tăng 4%*); duy trì tỷ lệ 100% thôn, buôn có trường hoặc lớp mẫu giáo - tính cả thôn, buôn học ghép lớp (*KH đạt 100%*).

10. Số lao động được giải quyết việc làm trong năm ước đạt 29.000 lao động, bằng 100% KH (*KH: 29.000 lao động*). Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động ước đạt 58%, tăng 2% so với năm 2018 (*KH: 58%, tăng 2%*), trong đó tỷ lệ lao động có bằng cấp chứng chỉ chiếm tỷ lệ 18,88% trở lên,

tăng 0,65% so với năm 2018 (*KH: 18,88%*). Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị duy trì đạt 2,5%, bằng so với năm 2018 (*KH: 2,5%*).

11. Tỷ lệ xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn đến năm 2020 ước đạt 99,45%, tăng 1,65% so với thực hiện 2018 (*KH: 99,45%, tăng 1,65%*). Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi) giảm xuống còn 19,2% (*KH: 19,2%*). Số giường bệnh/1 vạn dân (không tính giường trạm y tế xã) ước đạt 26,06 giường/1 vạn dân (*KH đạt 26,06 giường/1 vạn dân*). Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế theo Quyết định số 1167/QĐ-TTg ngày 28/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ ước đạt 87,48% (*KH đạt 87,3%*)

12. Mức giảm tỷ suất sinh ước khoảng 0,2‰ (*KH khoảng 0,2‰*). Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên ước khoảng 11,1‰ (*KH khoảng 11,1‰*). Dân số trung bình: 1.872,228 ngàn người.

13. Có 50/152 xã đạt chuẩn nông thôn mới (tương ứng 32,9%), bằng 100% KH (*KH có 50 xã đạt chuẩn nông thôn mới, tương ứng 32,9%*). Bình quân số tiêu chí xây dựng nông thôn mới đạt được trên đơn vị xã là: 14,2 TC/xã, vượt KH đề ra (*KH: 13,8 TC/xã*).

14. Số cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý (theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg) đạt 93,3% ⁽⁴⁾ (*KH đạt 100%*). Tỷ lệ khu, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 11,1% (*KH đạt 22,22%*); Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom ước đạt 87,6% (*KH đạt 87,6%*).

15. Tỷ lệ che phủ rừng (tính cả cây cao su) ước đạt 38,6% (*KH: 38,6%*).

16. Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh ước đạt 92,5%, tăng 1,5% so với năm 2018 (*KH đạt 92,5%, tăng 1,5%*).

17. Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch ước đạt 86%, tăng 4% so với năm 2018 (*KH đạt 86%, tăng 4%*).

18. An ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội: Tuyển chọn công dân nhập ngũ đạt 100%. Hoàn thành kế hoạch diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh, huyện; diễn tập chiến đấu phòng thủ cấp xã, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, vận hành cơ chế theo Nghị quyết số 28-NQ/TW của Bộ Chính trị, khóa X, nhiệm kỳ 2015-2020 bảo đảm chất lượng. Tỷ lệ xử lý tố giác, tin báo về tội phạm; điều tra, khám phá án hình sự ước đạt tỷ lệ 85% trở lên (*KH đạt 85% trở lên*); trong đó, án rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng ước đạt 90% trở lên (*KH đạt 90% trở lên*). Đảm bảo an ninh trật tự và an toàn xã hội, phấn đấu giảm tỷ lệ tai nạn giao thông trên cả 3 tiêu chí về số vụ, số người chết và bị thương so với năm 2018 từ 5% trở lên (*KH cả 3 tiêu chí giảm từ 5% trở lên*).

⁴ Có 14/15 đơn vị đã được công nhận, còn 01 cơ sở chưa được công nhận là Kho thuốc Bảo vệ thực vật tại phường Khánh Xuân, thành phố Buôn Ma Thuột.

PHẦN II
**MỘT SỐ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ VỚI QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ VÀ
CÁC BỘ, NGÀNH TRUNG ƯƠNG**

I. Kiến nghị về cơ chế, chính sách

1. Kính đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội sớm thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư năm 2014:

Để sớm khắc phục các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Luật Đầu tư, tránh sự chồng chéo giữa các văn bản quy phạm pháp luật và đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế khi triển khai các hoạt động đầu tư trên địa bàn tỉnh. Kiến nghị Quốc hội sớm thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư năm 2014 đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư lấy ý kiến tham gia của các địa phương đối với dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư năm 2014.

2. Kính đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét có cơ chế phù hợp để người lao động trực tiếp tại các doanh nghiệp sản xuất cà phê được Nhà nước, doanh nghiệp hỗ trợ mức đóng như những đối tượng khác khi tham gia BHXH, bảo hiểm y tế bắt buộc:

Tại tỉnh Đăk Lăk, số lao động trong các doanh nghiệp cà phê chiếm tỷ lệ tương đối cao trong tổng số lao động tham gia BHXH bắt buộc của tỉnh. Tuy nhiên, những năm gần đây lao động tại các doanh nghiệp này giảm nhiều và tiếp tục giảm trong những tháng cuối năm 2019. Nguyên nhân do nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh phải thu hẹp sản xuất, lao động không có việc làm phải nghỉ việc, thậm chí giải thể, phá sản; cơ chế khoán cho người lao động chưa phù hợp, công nhân cà phê phải tự đóng toàn bộ kinh phí BHXH, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp mà không có sự hỗ trợ của Nhà nước, của doanh nghiệp dẫn đến mức đóng cao so với mức thu nhập thực tế của người lao động, làm cho họ mất khả năng cân đối tài chính trong cuộc sống, buộc người lao động phải thỏa thuận với doanh nghiệp chuyển từ cơ chế khoán sang liên doanh, liên kết với doanh nghiệp không tiếp tục tham gia BHXH khi đã đủ năm công tác (20 năm) và chờ đến tuổi để hưởng lương hưu (so sánh số lao động tham gia BHXH qua các năm: Năm 1995 có 19.161 người tham gia, năm 2008 có 9.537 người tham gia, năm 2015: 6.717 người tham gia và đến tháng 6 năm 2019 chỉ còn 4.334 người tham gia).

Để đảm bảo về nhu cầu và quyền lợi cho người lao động, kính đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét và có cơ chế phù hợp để người lao động trực tiếp sản xuất cà phê tại các doanh nghiệp được Nhà nước, doanh nghiệp hỗ trợ mức đóng như những đối tượng khác khi tham gia BHXH, bảo hiểm y tế bắt buộc.

3. Kính đề nghị Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung những quy định chưa phù hợp tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và quỹ quốc gia về việc làm:

Tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định: Đối với người

lao động, mức vay tối đa là 50 triệu đồng/lao động. Để thực hiện chính sách nêu trên đạt hiệu quả; kính đề nghị Chính phủ xem xét điều chỉnh, bổ sung Nghị định số 61/2015/NĐ-CP với các nội dung: Nâng mức cho vay từ 50 triệu/lao động như hiện nay lên 100 triệu đồng/lao động và mở rộng thêm đối tượng được hỗ trợ vay vốn đi xuất khẩu lao động như: Thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an... Chủ dự án được vay để đầu tư ở địa phương khác (trong phạm vi tỉnh, thành).

4. Kính đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các Bộ, ngành Trung ương xem xét điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện và giải thích rõ các quy định tại một số văn bản quy phạm pháp luật, do có sự chồng chéo trong quá trình triển khai thực hiện, gây khó khăn, lúng túng cho cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương, cụ thể:

4.1. Mâu thuẫn, chồng chéo giữa Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và Luật Đầu tư 2014:

Tại điểm a, khoản 2, Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014 quy định: Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) là căn cứ để quyết định chủ trương đầu tư. Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 không có điều khoản nào quy định về ĐTM sơ bộ. Trong khi đó Luật Đầu tư năm 2014 quy định hồ sơ dự án đầu tư để làm căn cứ cấp quyết định chủ trương đầu tư, bao gồm:

- *Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án* (điểm c, khoản 1, Điều 33);

- *Đánh giá sơ bộ tác động môi trường, các giải pháp bảo vệ môi trường và đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án* (điểm c, d, khoản 1, Điều 34 và Điều 35).

Chính sự chồng chéo này làm ảnh hưởng đến công tác thu hút đầu tư và gây khó khăn, lúng túng cho cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương nên hướng dẫn cho nhà đầu tư thực hiện TTHC của Luật nào trước.

4.2. Sự không phù hợp về quy hoạch, bố trí quỹ đất trong KCN xây dựng nhà ở và công trình dịch vụ cho người lao động giữa Luật Đất đai ngày năm 2013 và Luật Đầu tư năm 2014:

Tại khoản 1, Điều 149 Luật Đất đai yêu cầu quy hoạch, xây dựng khu nhà ở, công trình công cộng phục vụ đời sống người lao động làm việc trong khu công nghiệp, khu chế xuất phải đặt bên ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất. Tuy nhiên, tại khoản 2, Điều 21 Luật Đầu tư lại cho phép các địa phương gặp khó khăn trong bố trí quỹ đất để phát triển nhà ở, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng cho người lao động làm việc trong khu công nghiệp được điều chỉnh quy hoạch khu công nghiệp để dành một phần diện tích đất phát triển nhà ở, công trình, dịch vụ, tiện ích công cộng. *Quy định tại Luật Đầu tư cũng không xác định rõ phần diện tích để phát triển nhà ở sẽ nằm trong hay ngoài khu công nghiệp.*

4.3. Sự chưa phù hợp về thủ tục giãn tiến độ dự án đầu tư:

Quy định về giãn tiến độ đầu tư không được hướng dẫn cụ thể trong

Luật Đầu tư năm 2014 và các văn bản hướng dẫn. Do đó, thời gian qua việc áp dụng quy định “Tổng thời gian giãn tiến độ đầu tư không quá 24 tháng”. Trường hợp bất khả kháng thì thời gian khắc phục hậu quả bất khả kháng không tính vào thời gian giãn tiến độ đầu tư” theo Khoản 3 Điều 46 Luật Đầu tư năm 2014 còn vuông măc, bất cập, không thống nhất.

Thực tiễn cho thấy, nhiều cơ quan quản lý về đầu tư chỉ cho phép nhà đầu tư thực hiện 01 lần giãn tiến độ với tổng thời gian không quá 24 tháng; có nơi lại cho phép nhà đầu tư thực hiện 02 đến 03 lần (thậm chí nhiều hơn 3 lần) giãn tiến độ với tổng thời gian không quá 24 tháng. Hơn nữa, thời gian giãn tiến độ 24 tháng áp dụng đối với một dự án đầu tư trong KCN là tương đối dài. Do đó, quy định về giãn tiến độ đầu tư như trên là chưa phù hợp với yêu cầu thực tiễn, ảnh hưởng đến công tác quản lý đầu tư của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, giảm hiệu quả dự án đầu tư.

5. Kính đề nghị các Bộ, ngành Trung ương xem xét, báo cáo Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh:

Hiện nay, việc sắp xếp cơ cấu tổ chức các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện đang tạm dừng; do đó, đề nghị Bộ Nội vụ sớm trình Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh để địa phương có cơ sở tham mưu việc sắp xếp tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị theo đúng quy định của pháp luật.

6. Kính đề nghị các Bộ, ngành Trung ương xem xét, báo cáo Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ:

Hiện nay, tại Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, có một số nội dung không còn phù hợp với điều kiện thực tiễn và không phù hợp với chủ trương xã hội hóa của Chính phủ. Do đó, kiến nghị Bộ Công thương báo cáo Chính phủ xem xét ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 02/2003/NĐ-CP, nhằm kêu gọi đầu tư chuyển đổi mô hình chợ, giúp hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại tại các địa phương được khang trang hiện đại và phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế chung của đất nước.

7. Kính đề nghị Bộ Công Thương và các Bộ, ngành Trung ương sớm ban hành văn bản hướng dẫn quy chuẩn kỹ thuật về cửa hàng xăng dầu đối với diện tích, chiều ngang mặt tiền, quy chuẩn tĩnh lô, huyện lô theo quy định tại Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về

sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương

Tại Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có quy định bãi bỏ quy hoạch phát triển mạng lưới xăng dầu; tuy nhiên, đến nay Bộ Công Thương chưa ban hành các quy chuẩn kỹ thuật về cửa hàng xăng dầu đối với diện tích, chiều ngang mặt tiền, quy chuẩn tinh lộ, huyện lộ theo quy định tại Nghị định số 08/2018/NĐ-CP. Kiến nghị Bộ Công Thương sớm ban hành hướng dẫn quy chuẩn kỹ thuật về cửa hàng xăng dầu đối với diện tích, chiều ngang mặt tiền, quy chuẩn tinh lộ, huyện lộ, để địa phương căn cứ thực hiện.

8. Kính đề nghị Bộ Nội vụ ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố

Triển khai thực hiện Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ, tỉnh Đăk Lăk gặp một số khó khăn như sau:

a) *Đối với việc giảm số lượng cán bộ, công chức cấp xã theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP:*

Hiện nay, việc giảm số lượng cán bộ, công chức cấp xã theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP thì mỗi xã giảm 02 cán bộ, công chức, nhưng chưa quy định rõ giảm chức danh nào và vị trí việc làm của từng chức danh gây khó khăn trong việc triển khai thực hiện (tỉnh Đăk Lăk có 184 xã, phường, thị trấn, thực hiện theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP thì sẽ giảm 368 người). Chưa có hướng dẫn cơ chế, chính sách giải quyết chế độ và lộ trình giảm số lượng cán bộ, công chức cấp xã nên địa phương chưa có cơ sở để áp dụng.

Kiến nghị Bộ Nội vụ xem xét hướng dẫn việc bố trí, sắp xếp hoặc giải quyết chế độ đối với lực lượng Công an xã, nhất là Trưởng Công an xã nếu thực hiện chủ trương tăng cường Công an chính quy về xã của Bộ Chính trị theo Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 15/3/2018. Ngoài ra, trong điều kiện ngân sách của tỉnh còn hạn hẹp, đề nghị Trung ương hỗ trợ nguồn kinh phí để thực hiện việc giảm số lượng cán bộ, công chức cấp xã theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk.

b) *Đối với giảm số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP.*

* **Ở cấp xã:** Theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP thì mỗi đơn vị hành chính cấp xã giảm từ 08 đến 09 số lượng người hoạt động không chuyên trách (cấp xã loại I bố trí không quá 14 người, cấp xã loại II không quá 12 người và cấp xã loại III không quá 10 người); tuy nhiên theo quy định thì chức danh Trưởng các ban của Đảng như: Trưởng Ban tổ chức Đảng, Trưởng Ban tuyên giáo, Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy, Trưởng Ban dân vận và chức danh Phó các đoàn thể như Ủy ban MTTQ, Đoàn thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân phải bố trí mỗi chức danh ít nhất 01 người (tổng cộng phải bố trí từ 09

đến 10 người).

- Tại Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ, phải bố trí 01 Phó trưởng Công an xã và không quá 03 Công an viên làm nhiệm vụ thường trực (riêng “*xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự, xã loại I và xã loại II được bố trí không quá 02 Phó Trưởng Công an xã*”), tổng cộng phải bố trí từ 04 đến 05 người.

- Tại Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01/6/2010 của Chính phủ quy định: “*Cấp xã được bố trí 01 Chỉ huy phó Ban Chỉ huy quân sự xã; xã trọng điểm về quốc phòng – an ninh, xã loại 1, xã loại 2 được bố trí không quá 02 Chỉ huy phó Ban Chỉ huy quân sự xã. Căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng - an ninh của địa phương*”, tổng cộng phải bố trí từ 01 đến 02 người.

Nhu vậy, ở cấp xã phải bố trí từ 14 đến 17 người cho các chức danh nêu trên, trong đó chưa kể các chức danh Văn thư - Lưu trữ - Thủ quỹ, Chủ tịch Hội người cao tuổi, Chủ tịch Hội chữ thập đỏ và một số chức danh khác ở cấp xã, gây khó khăn cho các địa phương trong việc quy định các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cơ sở.

Kiến nghị Bộ Nội vụ xem xét, hướng dẫn việc quy định cụ thể từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã để các địa phương trên cả nước thực hiện một cách thống nhất, phù hợp theo đơn vị hành chính cấp xã và vùng miền; đồng thời hướng dẫn quy trình, thủ tục và giải quyết chế độ đối với các trường hợp nghỉ việc (do giảm số lượng người hoạt động không chuyên trách) và đề nghị Trung ương hỗ trợ kinh phí để thực hiện việc giảm số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk và xem xét ban hành văn bản hướng dẫn việc kỷ luật người hoạt động không chuyên trách ở cơ sở, rất khó khăn cho địa phương khi có trường hợp người hoạt động không chuyên trách vi phạm kỷ luật.

* **Ở thôn, buôn, tổ dân phố:** Tại Khoản 6 Điều 2 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP quy định người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố gồm 03 chức danh: Bí thư chi bộ, Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố và Trưởng Ban công tác Mặt trận.

Tuy nhiên, tại Điểm b Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 73/2009/NĐ-CP quy định “*Mỗi thôn, xóm, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc và đơn vị dân cư tương đương được bố trí 01 Công an viên. Đối với thôn, xóm, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc và đơn vị dân cư tương đương thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự, xã loại I và xã loại II được bố trí không quá 02 Công an viên*” và tại Điểm a Khoản 2 Điều 17 Luật Dân quân tự vệ quy định chức danh Thôn đội trưởng. Đề nghị Bộ Nội vụ xem xét hướng dẫn cụ thể nội dung này.

Do đó, ngoài quỹ phụ cấp chi trả cho 03 chức danh quy định tại Khoản 6 Điều 2 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP, Kiến nghị Bộ Nội vụ xem xét, hướng dẫn việc chi trả chế độ phụ cấp đối với các chức danh Công an viên ở thôn và Thôn đội trưởng để các địa phương có cơ sở thực hiện và xem xét hướng dẫn thực hiện chế độ đối với Trưởng các Chi hội ở thôn, tổ dân phố như: Cựu chiến binh, Nông dân, Phụ nữ và Chi đoàn Thanh niên, Chi hội Liên hiệp thanh niên.

9. Kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét ban hành Thông tư thay thế Thông tư số 125/2014/TT-BTC ngày 27/8/2014 về hướng dẫn nội dung, mức chi cho hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và thường xuyên cho phù hợp với các thông tư Thông tư số 17,18,19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về Kiểm định chất lượng giáo dục và Công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học, trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; các trường mầm non.

10. Kính đề nghị Chính phủ sớm ban hành chính sách đặc thù cho cán bộ làm công tác dân tộc và có chế độ phụ cấp cho cán bộ không chuyên trách làm công tác dân tộc cấp xã đối với những xã có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng thêm cán bộ khuyến nông, khuyến lâm cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

11. Kính đề nghị Bộ Xây dựng sớm ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng có hiệu lực từ ngày 01/10/2019; hướng dẫn việc xác định giá dịch vụ thoát nước trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột và hướng dẫn việc xác định chi phí chung trong dự toán xây dựng công trình đường dây tải điện (Sở Xây dựng tỉnh Đăk Lăk đã có văn bản đề nghị hướng dẫn thực hiện tại Công văn số 2046/SXD-KTVLXD ngày 02/8/2019, Công văn số 2195/SXD-KTVLXD ngày 19/8/2019 gửi Bộ Xây dựng).

12. Kính đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Bộ, ngành Trung ương sớm ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về quy định chi tiết một số Điều của Luật Du lịch; tiến hành điều tra tài nguyên du lịch để các địa phương có cơ sở triển khai thực hiện thuận lợi.

13. Kính đề nghị Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương hỗ trợ kinh phí từ ngân sách Trung ương cho Tỉnh nhằm đẩy mạnh công tác tuyên truyền, thông tin, thay đổi nhận thức người dân về giáo dục nghề nghiệp, tạo tiền đề phân luồng học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông vào học giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Chính phủ phê duyệt Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025”.

14. Đề nghị Chính phủ đảm bảo nguồn kinh phí đầu tư hàng năm để thực hiện đề án, chương trình, chính sách đã được Thủ tướng phê duyệt như: Đề án thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 - 2020 theo Quyết định 2085/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Chương trình 135 theo Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020; Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2025” theo Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 14/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ; Đề án “Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018-2025” theo Quyết định 1898/QĐ-TTg ngày 28/11/2017 của Thủ

tướng Chính phủ; Chính sách cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

II. Kiến nghị về bổ sung quy hoạch đường cao tốc Buôn Ma Thuột (Đăk Lăk) đi Nha Trang (Khánh Hòa):

Đăk Lăk là một trong những tỉnh thuộc vùng Tây Nguyên, nằm ở trung tâm, là thủ phủ vùng Tây Nguyên; có vị trí chiến lược hết sức quan trọng về mặt chính trị và là đầu tàu tạo sức lan tỏa trong việc phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng của vùng Tây Nguyên. Tuy nhiên, so với cả nước, hiện Đăk Lăk là một trong những tỉnh nghèo, nguồn lực còn nhiều khó khăn, thu hút đầu tư còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu..., cần có sự quan tâm đặc biệt của Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương. Nguyên nhân chủ yếu là do hạ tầng giao thông đầu tư chưa đồng bộ, cụ thể là: Đường sắt chưa được đầu tư, đường biển không có, đường Hàng không chiếm tỷ trọng nhỏ, chủ yếu là đường bộ. Trong khi đó hạ tầng các đường Quốc lộ chính như: Quốc lộ 26, 27, 29, 14C, 19C quy mô cấp IV miền núi chưa đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội khu vực, hiện đang bị xuống cấp trầm trọng (vẫn còn một số Quốc lộ là đường đất: QL14C (khoảng 13km), QL29 (khoảng 30 km;) hệ thống đường giao thông địa phương xuống cấp trầm trọng (TL 1, 3, 5, 8, 9, 12, 13, 15) và nhiều đường giao thông nông thôn. Do đó, kính đề nghị Đoàn Đại biểu Quốc hội kiến nghị Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương quan tâm, xem xét bổ sung quy hoạch đường cao tốc Buôn Ma Thuột (Đăk Lăk) đi Nha Trang (Khánh Hòa) và sớm triển khai trong giai đoạn 2021-2025 để thúc đẩy phát triển kinh tế vùng.

III. Kiến nghị về các chương trình cụ thể:

1. Hỗ trợ vốn đầu tư xây dựng Dự án Kết nối Tỉnh lộ 8 từ Trung tâm huyện Cư M'gar đến Trung tâm hành chính huyện Krông Búk, tỉnh Đăk Lăk (đoạn Km10+00-Km35+00):

Dự án Kết nối Tỉnh lộ 8 từ Trung tâm huyện Cư M'gar đến Trung tâm hành chính huyện Krông Búk, tỉnh Đăk Lăk (đoạn Km10+00-Km35+00) có vị trí quan trọng và cấp thiết trong hệ thống giao thông, cơ sở hạ tầng của Tỉnh, kết nối giữa Trung tâm huyện Cư M'gar đến Trung tâm hành chính huyện Krông Búk với các Quốc lộ đi qua địa bàn tỉnh: Quốc lộ 26, Quốc lộ 29, đường Hồ Chí Minh, góp phần tăng năng lực vận tải trong khu vực; tạo động lực để phát triển kinh tế - xã hội địa phương, tăng cường an ninh quốc phòng. Tuyến có chiều dài khoảng 25 km, tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 600 tỷ đồng (điểm đầu Km10+00 Tỉnh lộ 8, thuộc trung tâm huyện Cư M'gar, điểm cuối giao với đường Hồ Chí Minh tại Km1732+200 thuộc Km35+00 Tỉnh lộ 8). Tuyến đường được đầu tư xây dựng trên 15 năm, với quy mô đường cấp IV miền núi, mặt đường rộng 5,5m; nền đường rộng 7,5m, kết cấu mặt đường đá dăm láng nhựa. Hiện nay, tuyến đường đã hư hỏng nặng, xuống cấp trầm trọng, gây khó khăn trong lưu thông và vận chuyển hàng hóa, đặc biệt là vào mùa mưa không thể lưu thông được.

Do đó, kính đề nghị Đoàn Đại biểu Quốc hội kiến nghị Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương quan tâm, xem xét hỗ trợ vốn từ ngân sách Trung ương

để tinh triễn khai thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư và đầu tư dự án từ năm 2019.

2. Bố trí vốn cho Dự án đường tránh phía Đông, thành phố Buôn Ma Thuột:

Dự án Đường tránh phía đông qua thành phố Buôn Ma Thuột đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch với chiều dài tuyến là 41,12km, tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 2.400 tỷ đồng, với mục tiêu đường tránh tuyến đường Hồ Chí Minh qua Thành phố Buôn Ma Thuột, đồng thời cũng là tuyến tránh Quốc lộ 26 và Quốc lộ 27 qua thành phố Buôn Ma Thuột nhằm khắc phục ngay tình trạng tắc nghẽn giao thông trong trung tâm thành phố, giảm tai nạn giao thông, giảm ô nhiễm môi trường và góp phần hoàn thiện đồng bộ cơ sở hạ tầng cho Thành phố Buôn Ma Thuột là trung tâm vùng Tây Nguyên theo Kết luận số 60-KL/TW ngày 27/11/2009 của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng.

Thực hiện các Kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 469/TB-VPCP ngày 25/12/2014, số 57/TB-VPCP ngày 14/02/2015; số 475/TB-VPCP ngày 25/12/2018. Ngày 07/3/2019, UBND tỉnh có Văn bản số 1818/UBND-TH gửi Bộ Giao thông vận tải trình Thủ tướng Chính phủ xem xét bố trí vốn cho tỉnh để sớm triển khai thực hiện. Ngày 23/4/2019, Bộ Giao thông Vận tải có Văn bản số 3754/BGTVT-KHĐT, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, hỗ trợ nguồn vốn cho Tỉnh để đầu tư xây dựng dự án và giao UBND tỉnh Đăk Lăk nghiên cứu, triển khai các thủ tục đầu tư theo quy định. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa được Thủ tướng Chính phủ có ý kiến.

Do đó, kính đề nghị Đoàn Đại biểu Quốc hội kiến nghị Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương quan tâm, xem xét sớm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư để tỉnh triển khai thực hiện.

3. Bố trí vốn để đầu tư hoàn thiện Quốc lộ 26, quốc lộ 27 đoạn qua tỉnh Đăk Lăk:

Trong những năm qua, được sự quan tâm của Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương đầu tư xây dựng Dự án cải tạo nâng cấp đường Hồ Chí Minh đoạn qua Tây nguyên, qua đó đã làm thúc đẩy việc phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh cho vùng Tây nguyên nói chung và cho tỉnh Đăk Lăk nói riêng. Để phát huy hết hiệu quả của tuyến đường Hồ Chí Minh này, đồng thời để đầu tư xây dựng hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông, đưa thành phố Buôn Ma Thuột thành đô thị trung tâm vùng Tây Nguyên theo Kết luận số 60-KL/TW ngày 27/11/2009 của Bộ Chính trị; phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Kính đề nghị Đoàn Đại biểu Quốc hội kiến nghị Chính phủ và các Bộ, ngành trung ương quan tâm xem xét trước mắt đầu tư hoàn thiện Quốc lộ 26, quốc lộ 27 đoạn qua Đăk Lăk, cụ thể:

- Quốc lộ 26 là tuyến huyết mạch nối giữa tỉnh Đăk Lăk với tỉnh Khánh Hòa, hiện trên toàn tuyến có 02 trạm thu phí, gồm 01 trạm thu phí trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; 01 trạm thu phí trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk. Tổng chiều dài

Quốc lộ 26 đi qua địa bàn tỉnh Đăk Lăk dài 119km, điểm đầu Km32+00 đến điểm cuối Km151+00; trong đó: đoạn tuyến nhà đầu tư BOT làm dài 28,432km (điểm đầu Km84+242 đến điểm cuối Km112+800). Do đó, UBND tỉnh Đăk Lăk kính đề nghị Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương xem xét tiếp tục đầu tư đoạn còn lại (90,568 km) trên Quốc lộ 26 (đoạn từ Km32+00 đến Km84+242; đoạn từ Km112+800 đến Km151+00), với TMĐT dự kiến là 1.800 tỷ đồng.

- Quốc lộ 27 là tuyến huyết mạch nối giữa tỉnh Đăk Lăk với tỉnh Lâm Đồng. Đây là tuyến giao thông độc đạo kết nối giữa hai tỉnh. Tuy nhiên, trong những năm qua tuyến đường này mới chỉ được sử chữa bảo dưỡng một số đoạn, hiện một số đoạn đã hư hỏng nặng dẫn đến việc lưu thông gặp rất nhiều khó khăn. Do đó, UBND tỉnh Đăk Lăk kính đề nghị Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương xem xét đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 26 đoạn qua địa phận tỉnh Đăk Lăk theo tiêu chuẩn đường cấp III miền núi; một số đoạn qua khu đông dân cư, trung tâm thị trấn, huyện quy mô đường đô thị theo quy hoạch của địa phương, với TMĐT dự kiến là 900 tỷ đồng.

4. Về phát triển đồng bộ hạ tầng kỹ thuật giao thông vận tải:

4.1. Kính đề nghị Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương:

- Quan tâm sớm triển khai đầu tư tuyến đường sắt Buôn Ma Thuột - Tuy Hòa để giảm áp lực cho đường bộ và góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế trong khu vực; ưu tiên nguồn vốn vay ODA, vốn TPCP, vốn Trung ương hỗ trợ địa phương..., để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vùng Tây Nguyên và vùng phụ cận Tây Nguyên.

- Đầu tư xây dựng đường giao thông từ thị xã Konhec (Campuchia) đến cửa khẩu Đăk Ruê, tạo điều kiện giao thương hàng hóa, lưu thông qua cửa khẩu Đăk Ruê được thuận lợi, tạo điều kiện cho người dân sinh sống dọc biên giới được ổn định lâu dài. Tổng chiều dài khoảng 67Km, kinh phí khoảng 350 tỷ đồng.

4.2. Kính đề nghị Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục Đường bộ Việt Nam tiếp tục quan tâm bố trí thêm vốn bảo trì đường bộ Trung ương cho tỉnh Đăk Lăk để bảo trì các quốc lộ (QL.29, QL.27, QL.14C) và hệ thống tỉnh lộ trong năm 2020.

5. Về nông nghiệp và phát triển nông thôn:

5.1. Về lĩnh vực Trồng trọt và bảo vệ thực vật:

Diện tích cà phê hiện có của tỉnh Đăk Lăk là 203.063ha và được trồng ở hầu hết tại các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh. Để phát triển cà phê bền vững và phù hợp với định hướng Đề án của Bộ NNPTNT và tỉnh Đăk Lăk thì việc giảm dần diện tích cà phê đến năm 2020, duy trì ổn định 180.000ha là hết sức cần thiết. Tuy nhiên nội dung này hiện nay khó thực hiện, vì hiện nay diện tích cà phê chủ yếu do các nông hộ trồng, chăm sóc và quản lý, chiếm gần 90% diện tích và sản lượng cà phê của tỉnh; là nguồn thu nhập chính của người dân. Ngoài ra, giá cả cà phê trên thị trường cũng là nguyên nhân làm cho diện tích cà phê tăng nhanh không theo kế hoạch, sản xuất cà phê theo kinh nghiệm, tự phát, một số diện tích cà phê được trồng trong điều kiện đất đai không phù hợp, thiếu nguồn nước tưới.

Vì vậy đề xuất Bộ Nông nghiệp và PTNT nghiên cứu ban hành chính sách, hỗ trợ cụ thể cho các tổ chức, cá nhân thực hiện việc chuyển đổi diện tích cà phê, nhằm đảm bảo sinh kế cho người dân.

5.2. Về lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y:

- Đề nghị Trung ương bố trí cấp kinh phí cho địa phương mua vắc xin LMLM (theo Chương trình quốc gia phòng, chống bệnh lở mồm long móng giai đoạn 2016-2020) từ đầu năm để địa phương chủ động công tác đấu thầu mua vắc xin kịp thời tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch tiêm phòng theo đúng quy định.

- Đăk Lăk là địa phương nằm trong vùng khống chế, căn cứ kết quả giám sát lưu hành vi rút LMLM tại địa phương và khuyến cáo sử dụng vắc xin của Cục Thú y thì tại Đăk Lăk sử dụng vắc xin LMLM gia súc nhị type (O+A). Vì vậy, đề nghị Trung ương cấp kinh phí cho địa phương để mua vắc xin dựa trên đơn giá vắc xin tại thời điểm cấp hàng năm để đảm bảo địa phương đấu thầu mua đúng, đủ số lượng vắc xin theo nhu cầu, nhằm tiêm đạt được tỷ lệ bảo hộ 80% tổng đàn.

- Để khống chế bệnh LMLM gia súc trong những năm tiếp theo, đề nghị Trung ương tiếp tục triển khai, thực hiện Chương trình quốc gia phòng, chống bệnh lở mồm long móng giai đoạn 2021-2025.

- Thực hiện Quyết định số 193/QĐ-TTg ngày 13/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình quốc gia khống chế và tiến loại trừ bệnh Đại giai đoạn 2017-2021. Theo đó, quy định tỷ lệ tiêm phòng vắc xin dại chó, mèo hàng năm đạt 85% tổng đàn chó. Trên thực tế tại tỉnh Đăk Lăk tỷ lệ tiêm phòng vắc xin dại chó, mèo rất thấp (năm 2017: 26,8%, năm 2018: 28,3% và năm 2019: 31%). Vì vậy, đề nghị Trung ương có cơ chế, chính sách hỗ trợ vắc xin dại, công tiêm phòng cho các đối tượng chính sách, hộ nghèo và hộ đồng bào dân tộc, nhằm nâng cao hiệu quả, tỉ lệ trong công tác tiêm phòng vắc xin dại chó, mèo, hạn chế thấp nhất người tử vong vì bệnh dại.

5.3. Về lĩnh vực Lâm nghiệp:

- Hiện nay, phân loại các loại đất theo quy định của pháp luật về đất đai có các loại đất như: Đất Quốc phòng, đất an ninh, đất tôn giáo, đất văn hóa vv... Tài sản trên các loại đất này có rừng tự nhiên, rừng trồng, tuy nhiên không có quy định phân các loại rừng vào loại nào trong 3 loại rừng: Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất (Theo quy định của Luật Lâm nghiệp). Đồng thời, Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ về Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp lại không quy định xử lý các hành vi vi phạm đối với rừng (rừng tự nhiên, rừng trồng) trên các loại đất: Quốc phòng, an ninh, tôn giáo, văn hóa v.v... Đây là khoảng trống về mặt pháp luật, do vậy các hành vi phạm pháp luật như: chặt phá, khai thác, đốt rừng và các vi phạm khác không có chế tài xử lý khi có trên các loại đất này.

Do vậy, Đề nghị Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ về Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp, theo đó quy định hành vi vi phạm đối với rừng (rừng

tự nhiên, rừng trống) trên các loại đất: Quốc phòng, an ninh, tôn giáo, văn hóa v.v... thì bị xử phạt như đối với rừng đặc dụng.

- Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 12/3/2014 đặt ra giải pháp: "...đối với rừng sản xuất là rừng tự nhiên nghèo có khả năng phục hồi trong thời gian chưa khai thác thì thực hiện cơ chế giao nhiệm vụ công ích theo phương thức Nhà nước đặt hàng.", đề nghị Chính phủ ban hành văn bản cụ thể hóa Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 12/3/2014, trong đó cần có chính sách hỗ trợ đặt hàng bảo vệ rừng tự nhiên nghèo cho đối tượng được giao quản lý rừng nghèo khác ngoài Nhà nước như: các tổ chức kinh tế khác (ngoài công ty lâm nghiệp thuộc sở hữu nhà nước), các đơn vị sự nghiệp được giao rừng, cho thuê rừng tự nhiên không được khai thác rừng nhằm thực hiện quyền lợi, nghĩa vụ bình đẳng giữa các chủ rừng. Đồng thời cũng đề nghị Chính phủ và các Bộ, Ngành có kế hoạch, giải pháp và ban hành cơ chế đặt hàng, giao kế hoạch hàng năm của Nhà nước đối với công tác quản lý bảo vệ diện tích rừng tự nhiên của các Công ty TNHH MTV lâm nghiệp

5.4. Về Lĩnh vực Khuyến nông:

- Hiện nay, nguồn kinh phí dành cho các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ khuyến nông hàng năm của Trung ương và địa phương không đáng kể so với nhu cầu thực tế của địa phương để thực hiện các hoạt động khuyến nông. Vì vậy, để triển khai tốt công tác khuyến nông, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sản xuất nông nghiệp và người nông dân, đề nghị Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương quan tâm chỉ đạo và tạo điều kiện hơn nữa đối với hoạt động khuyến nông ở địa phương; tăng cường đầu tư kinh phí hàng năm cho các hoạt động khuyến nông để triển khai các chương trình, dự án, trong đó cần quan tâm các chương trình, dự án khuyến nông đưa vào vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Chế độ, chính sách đối với cán bộ khuyến nông hiện nay chưa thỏa đáng. Cán bộ khuyến nông thường xuyên xuống cơ sở triển khai các chương trình, dự án, hàng ngày tiếp cận với đồng ruộng, chuồng trại, tiếp xúc với các loại phân bón, hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật nhưng hiện nay không được hưởng chế độ phụ cấp độc hại, phụ cấp ngành, phụ cấp công vụ. Để động viên kịp thời cũng như khích lệ người lao động đầu tư công sức, trí tuệ trong công tác, đề nghị với Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương có những chính sách thỏa đáng đối với cán bộ khuyến nông như được hưởng chế độ phụ cấp độc hại, phụ cấp ngành, phụ cấp công vụ.

5.5. Về Lĩnh vực Thủy lợi:

Theo khoản 2 Điều 15 Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ hướng dẫn cơ sở xác định diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi: "Tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi căn cứ vào bản đồ giải thửa, hình thức cấp nước, tưới nước, tiêu nước, hợp đồng cấp nước, tưới nước, tiêu nước giữa Tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi với các Hộ dùng nước phối hợp với UBND cấp xã để lập bảng kê đối tượng và diện tích đất được tưới nước, tiêu nước được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung xác

nhận”. Tuy nhiên hiện nay trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk diện tích tưới của một số công trình thủy lợi chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chưa có kinh phí để thực hiện hoặc đã được đo đạc nhưng không có kinh phí để trả nên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; một số diện tích đất lâm nghiệp chưa chuyển đổi mục đích sử dụng nên không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn không có cơ sở tham mưu UBND tỉnh phê duyệt diện tích hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi cho tổ chức, các nhân quản lý khai thác công trình thủy lợi theo quy định, sẽ ảnh hưởng đến công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi của tổ chức, các nhân do không được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

Để giải quyết khó khăn nêu trên, đề nghị Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét việc xác định diện tích hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi dựa vào bản đồ giải thửa, trường hợp diện tích tưới của công trình chưa có bản đồ giải thửa thì địa phương (thôn, buôn, xã, huyện) xác nhận diện tích tưới, tiêu của công trình cho các hộ dùng nước là đủ cơ sở để hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

6. Đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép Đăk Lăk được thu hồi, chuyển đổi mục đích sử dụng đất của các doanh nghiệp Nông - Lâm trường, giao lại cho địa phương để triển khai cấp đất cho các hộ dân tộc thiểu số nghèo đang thiếu đất ở và thiếu đất sản xuất để thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chính sách đặc thù phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2020.

7. Đề đảm bảo tỷ lệ tinh giản biên chế đến năm 2021 đạt tối thiểu 10% so với năm 2015; hàng năm Bộ Nội vụ đều cắt giảm biên chế của tỉnh từ 1,5% đến 2,5%, đặc biệt là biên chế viên chức; điều này gây khó khăn cho tỉnh Đăk Lăk đối với việc cắt giảm biên chế sự nghiệp ngành y tế và ngành giáo dục và đào tạo (việc xã hội hóa và giao quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp Công lập trên địa bàn tỉnh cơ bản chưa thực hiện được theo mục tiêu đề ra vì không đủ điều kiện). Do đó, đề nghị Bộ Nội vụ xem xét cắt giảm biên chế hàng năm của tỉnh phù hợp với đặc thù của tỉnh Tây nguyên (không giảm đều như các tỉnh, thành khác trong cả nước).

8. Đề triển khai thực hiện chính sách về hỗ trợ việc làm và giảm nghèo trên địa bàn tỉnh đạt hiệu quả. Kính đề nghị các Bộ, ngành Trung ương, hàng năm, quan tâm bố trí kinh phí cho Quỹ Quốc gia về việc làm tỉnh Đăk Lăk từ 03 đến 05 tỷ đồng. Tăng lãi suất cho vay thuộc Chương trình vay vốn giải quyết việc làm đối với các hộ vay không phải là hộ nghèo, vì lãi suất cho vay của Chương trình này hiện nay là bằng nhau cho tất cả hộ vay.

9. Đối với Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn”: Đề nghị Bộ Lao động - TBXH và các bộ, ngành liên quan tiếp tục xây dựng và ban hành Đề án cho giai đoạn 2021 - 2025 tầm nhìn 2030 theo định hướng đào tạo nhân lực cho nền nông nghiệp công nghệ cao với mục tiêu bao tiêu sản phẩm, xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp.

10. Đối với khoản kinh phí 20.000 triệu đồng bị thu hồi năm 2018 của

Trường Cao đẳng Công nghệ Tây Nguyên, đề nghị được cấp lại để mua sắm máy móc thiết bị cho 02 nghề đào tạo thí điểm theo chương trình được chuyển giao từ Úc, đồng thời nhằm giúp Trường thực hiện tốt chỉ tiêu, nhiệm vụ của dự án đã được phê duyệt, nguyên nhân: Năm 2018, Trường Cao đẳng Công nghệ Tây Nguyên được cấp kinh phí hỗ trợ đầu tư nghề trọng điểm là 20.000 triệu đồng, nhà trường đã đăng ký nhu cầu mua sắm tập trung theo quy định gửi Trung tâm dịch vụ bán đấu giá Tỉnh Đăk Lăk nhưng Trung tâm triển khai đấu thầu mua sắm không kịp, đến ngày 31/12/2018 chưa ký kết được thỏa thuận khung, do đó, Trường không ký kết được hợp đồng để thực hiện mua sắm, số kinh phí 20.000 triệu đồng đã bị hủy bỏ theo quy định của Luật ngân sách nhà nước tại Kho bạc nhà nước Đăk Lăk.

Bên cạnh đó, hiện nay một số nhà, xưởng thực hành của Trường Cao đẳng Công nghệ Tây Nguyên (*là trường trong danh sách trường nghề được ưu tiên đầu tư tập trung, đồng bộ theo tiêu chí trường nghề chất lượng cao tại Quyết định số 761/QĐ-TTg ngày 23/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ*) được xây dựng trên 15 năm và đến nay đã xuống cấp nhưng vẫn chưa được bố trí kinh phí để duy tu, bảo dưỡng. Để đáp ứng được yêu cầu lắp đặt máy móc, thiết bị được đầu tư, đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng máy móc thiết bị. Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét cho Trường được sử dụng 30% kinh phí được hỗ trợ trong năm 2020 trong tổng kinh phí được phân bổ theo quy định tại mục b khoản 2 Điều 6 Chương I Thông tư số 103/2017/TT-BTC ngày 05/10/2017 của Bộ Tài chính để cải tạo, sửa chữa một số nhà xưởng nhằm đáp ứng yêu cầu lắp đặt máy móc, thiết bị.

11. Kính nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sớm hoàn thành Kế hoạch phát triển du lịch khu vực Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam để thúc đẩy phát triển du lịch vùng Tây Nguyên. Quan tâm đầu tư kinh phí theo chương trình mục tiêu phát triển văn hóa đối với di tích đặc biệt đường Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh; đề án Bảo tồn, tôn tạo di tích quốc gia đặc biệt Nhà đày Buôn Ma Thuột và Di tích quốc gia khu căn cứ kháng chiến Krông Bông.

12. Kính đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ và các Bộ, ngành Trung ương quan tâm hỗ trợ kinh phí cho tỉnh Đăk Lăk xây dựng Trung tâm Khoa học Công nghệ vùng Tây Nguyên tại Đăk Lăk; xây dựng và kết nối cơ sở dữ liệu KH&CN Vùng với hệ cơ sở dữ liệu Quốc gia, Đề án hệ tri thức Việt số hóa, đảm bảo phục vụ khai thác cơ sở dữ liệu của các địa phương trong Vùng.

13. Công tác xử lý HTX tồn tại hình thức, ngừng hoạt động trong thời gian qua của tỉnh chưa hoàn thành việc giải thể dứt điểm vì liên quan đến công nợ của các HTX (theo số liệu do các đơn vị báo cáo, số nợ đọng của các HTX ngừng hoạt động tính đến tháng 01/2019 là trên 50 tỷ đồng, chưa tính đến một số HTX ngừng hoạt động lâu năm do sổ sách kế toán, hồ sơ, giấy tờ liên quan bị thất lạc, nên chưa đủ cơ sở để xác định đầy đủ các công nợ liên quan). Do đó, kiến nghị Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh có ý kiến với Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét có hướng xử lý vấn đề nợ đọng của các HTX ngừng hoạt động không có khả năng trả nợ để làm cơ sở cho việc giải quyết dứt điểm các HTX tồn tại hình thức, ngừng hoạt động trên địa bàn tỉnh.

14. Đề nghị Trung ương tiếp tục đầu tư xây dựng các trung tâm cụm xã dở dang và đầu tư xây dựng thêm một số trung tâm cụm xã cần thiết đã được Ủy ban Dân tộc đồng ý cho chủ trương. Đồng thời đầu tư cho những xã tiệm cận với tiêu chí xã đặc biệt khó khăn để phát triển và hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng.

15. Đề nghị Trung ương hỗ trợ nguồn kinh phí cho địa phương để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định 57/NĐ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về việc đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2030.

16. Đề nghị Ủy ban Dân tộc sớm triển khai Đề án xây dựng mô hình phát triển kinh tế - xã hội bền vững và một số chính sách đặc thù tại vùng Tây Nguyên.

17. Kính đề nghị Bộ Giáo dục và đào tạo báo cáo Chính phủ xem xét hỗ trợ kinh phí cho các tỉnh có nguồn thu thấp như tỉnh Đăk Lăk để xây dựng phòng học, mua sắm thiết bị đổi mới Chương trình sách giáo khoa kịp thời trong năm 2020.

18. Kính đề nghị Bộ Tài chính và các Bộ, ngành Trung ương có văn bản hướng dẫn kinh phí cho Kỳ thi THPT quốc gia để địa phương có căn cứ thực hiện và kịp thời ban hành quy định mức chi chuẩn bị cho kỳ thi THPT năm 2020 theo quy định.

Trên đây là báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh 9 tháng; ước thực hiện cả năm 2019 và một số đề xuất, kiến nghị với Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương. Đề nghị Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh xem xét, đưa vào kiến nghị để báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo quy định./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn ĐBQH tỉnh (bản giấy);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các phòng thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH (Ph 9b).



Phạm Ngọc Nghị